

Số: 2195/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 13 tháng 10 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định hạn mức bình quân diện tích đất sản xuất để hỗ trợ cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, hộ nghèo thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015;

Căn cứ Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-UBND-BTC-BTNMT ngày 18/11/2013 của liên Bộ Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Dân tộc tại Tờ trình số 49/TTr-BDT ngày 25/9/2014; ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1349/STNMT-QHKH ngày 28/8/2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi áp dụng**

Quy định này áp dụng cho tất cả hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo trên địa bàn tỉnh và hộ nghèo ở các xã, thôn, bản, buôn, làng, ấp đặc biệt khó khăn (sau đây gọi chung là thôn).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo (kể cả hộ chỉ có vợ hoặc chồng là người dân tộc thiểu số) và hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo tiêu chí hộ nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày

30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015 có trong danh sách hộ nghèo đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại thời điểm Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực thi hành; sinh sống bằng nghề nông, lâm nghiệp, chưa có và thiếu đất sản xuất theo hạn mức bình quân chung do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định; chưa được hưởng các chính sách của Nhà nước hỗ trợ về đất sản xuất.

### **Điều 3. Hạn mức bình quân diện tích đất sản xuất**

Đối với đất nương rẫy hoặc đất trồng cây lâu năm là 0,5ha/hộ.

Hạn mức nêu trên là căn cứ để bình xét hộ không có đất sản xuất, thiếu đất sản xuất và hỗ trợ đất sản xuất cho đối tượng thụ hưởng.

**Điều 4.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban DT (HĐND tỉnh);
- Như Điều 4;
- LĐVP, Phòng: VX, KTTH, TT.TH-CB;
- Lưu: VT(qđ093-14).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**



*Nguyễn Huy Phong*